TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 32 /2018/DS-ST
Ngày 02/10/2018
V/v: Tranh chấp "hợp đồng dịch vụ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Toan

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Giới
2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Kim Thùy- Thư ký TAND huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 02/10/2018 tại trụ sở toà án nhân dân huyện L tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2013/TLST- DS ngày 26/4/2013 về tranh chấp "hợp đồng dịch vụ". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2018/QĐXX - DS ngày 13/9/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn C sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn M, xã C1, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Thôn M, C1, huyện L, tỉnh Bắc Giang do ông Nguyễn Văn G sinh năm 1965- Trưởng thôn đại diện.

Địa chỉ: Thôn M, xã C1, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ UBND xã C1, huyện L do ông Thái Văn Đ- Chủ tịch đại diện (vắng mặt)

2/ Ông Nguyễn Văn X sinh năm 1964 (có mặt).

3/ Ông Nguyễn Văn Đ1 sinh năm 1963 (vắng mặt).

4/ Ông Nguyễn Ngọc B sinh năm 1974 (vắng mặt).

Đều địa chỉ: Thôn M, xã C1, huyện L, tỉnh Bắc Giang

5/ Ông Nguyễn Ngọc T sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn H, xã C1, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 21/3/2013, tại các bản tự khai biên bản lấy lời khai và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Ngày 01/1/2009 tại hội trường thôn M ông đã ký hợp đồng phục vụ nước sản

xuất nông nghiệp năm 2009 cho thôn. Hợp đồng do ông và ông X là trưởng thôn đã trực tiếp ký. Trong các điều khoản của hợp đồng ông phải bơm nước phục vụ tổng diện tích cho thôn là 1.068.000m^2. Bên thôn M phải thanh toán trả cho ông (bên B) là 72.347.200đ, phương thức thanh toán bằng tiền mặt. Đến ngày 25/12/2009 tại hội trường thôn M đã lập biên bản thanh lý hợp đồng tổng số diện tích trong năm 2009 ông đã phục vụ bơm nước trên diện tích là 1.068.000m^2. Tổng số tiền thôn M phải thanh toán cho ông là 72.347.200đ. Đến ngày 31/12/2009 giữa ông và thôn M (ông X- trưởng thôn) đã ký tiếp một hợp đồng thầu trạm bơm với thời hạn là 1 năm. Tổng diện tích tưới tiêu là 106.8ha gồm cả 2 vụ. Tổng kinh phí thôn M phải thanh toán cho ông 2 vụ là 72.360.000đ. Đến ngày 31/12/2010 hai bên đã lập biên bản nghiệm thu, biên bản thanh lý hợp đồng diện tích nước tưới tiêu theo hợp đồng đã ký. Nhưng sau Đ1 thôn M không thanh toán tổng số hai hợp đồng đã ký và phải thanh toán trả ông với số tiền là: 144.707.200đ. Ngoài số tiền này thôn M còn nợ ông số tiền 3.383.000đ tiền ông đặt cọc của hợp đồng năm 2006 tồn lại mà thôn M còn nợ. Nay ông đề nghị thôn M do ông G đại diện phải có trách nhiệm thanh toán trả ông tổng số tiền lợi phí của 2 hợp đồng là 144.707.200đ, tiền bị thiệt hại của 02 hợp đồng là 40.000.000đ, tiền đặt cọc còn nợ 3.383.000đ, tổng 188.090.200đ, ông không yêu cầu tính lãi suất của toàn bộ số tiền trên.

Tại phiên tòa hôm nay ông vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Bị đơn là thôn M do ông Nguyễn Văn G đại diện trình bày: Ông làm trưởng thôn M từ đầu năm 2016 đến nay. Sau khi nhận trưởng thôn ông được bàn giao của trưởng thôn cũ số tiền còn nợ ông C là 3.383.000đ là tiền đặt cọc của hợp đồng thuê tưới tiêu nước cho thôn M từ năm 2006, còn số tiền thủy lợi phí 144.707.200đ là không có bàn giao lại. Ông được biết năm 2006 thôn M có ký hợp đồng giao thầu trạm bơm R cho ông C. Cụ thể giao thầu 2 máy của trạm bơm R cho ông C toàn quyền vận hành để phục vụ sản xuất. Ông C được trực tiếp điều tiết nước cho toàn bộ mặt bằng ruộng của 2 mùa, thời gian là 5 năm, từ tháng 10/2006 đến tháng 10/2011. Các hộ dân phải nộp tiền, trực tiếp là ông C thu. Đến tháng 05/2011 ông C có đơn đề nghị thôn tăng giá điện nhưng thôn không nhất trí, nên ông C đã tự bỏ hợp đồng, thôn M đã làm biên bản hủy hợp đồng với ông C và bàn giao 2 trạm bơm cho người khác sử dụng. Đến năm 2010 nhà nước có chính sách hỗ trợ tiền thủy lợi phí cho các hộ dân trong các thôn thuộc xã C1 gồm có thôn M. Do trên cụ thể là phòng Tài chính có yêu cầu các thôn phải lập hợp đồng để thuê thầu trạm bơm, chính vì vậy thôn M thời điểm Đ1 là ông X làm trưởng thôn đã làm hợp đồng trực tiếp nhờ ông C ký vào hợp đồng. Hợp đồng thứ nhất ký ngày 01/01/2009, hợp đồng thứ hai là ngày 31/12/2009. Sau khi có hợp đồng thì thôn được phòng Tài chính cấp tiền về cho xã C1, trực tiếp là trưởng thôn và cán bộ giao thông thủy lợi xã nhận số tiền và trực tiếp trả tiền cho từng hộ dân với số tiền 72.347.000đ của hợp đồng ký ngày 01/01/2009, còn tiền của hợp đồng ký ngày 31/12/2009, phòng tài chính đã chuyển về cho tổ hợp tác xã C1 để điều tiết trả tiền máy, X dựng kênh mương của thôn (do sự chỉ đạo của cấp trên). Từ hai hợp đồng Đ1 ông C đã yêu cầu thôn M trả toàn bộ số tiền trên là không đúng sự thật. Nay ông C yêu cầu thôn M phải có trách nhiệm trả ông số tiền đặt cọc là 3.383.000đ, tiền tưới tiêu nước

theo 2 hợp đồng 144.707.200đ, tiền thiệt hại cảu 02 hợp đồng 40.000.000đ, tổng số là 188.090.200đ, ông không nhất trí. Ông chỉ nhất trí thanh toán trả số tiền đặt cọc còn nợ là 3.383.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay ông vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn Đ1 trình bày tại bản tự khai: Ông làm trưởng thôn M, C1 từ năm 2011 đến năm 2013. Sau khi nhận trưởng thôn M thì ông X là trưởng thôn cũ, có bàn giao lại cho ông số nợ của thôn M với ông C là 3.383.000đ, ngoài ra ông không bàn giao số nợ nào khác. Nay ông C yêu cầu thôn M phải thanh toán trả ông C tiền thủy lợi phí số tiền 144.707.200đ và 40.000.000đ tiền thiệt hại của 2 hợp đồng về việc thầu trạm bơm của thôn M, hợp đồng thứ nhất ký ngày 01/01/2009, hợp đồng thứ hai ký ngày 31/12/2009 là không đúng sự thật vì hai hợp đồng này là do thôn có nhờ ông C ký vào hợp đồng để gửi lên phòng Tài chính huyện L nhận số tiền nhà nước hỗ trợ do phòng Tài chính huyện cấp. Thôn M đã nhận số tiền 72.347.000đ của hợp đồng ký ngày 01/01/2009, trưởng thôn và cán bộ xã đã trực tiếp trả cho các hộ dân trong thôn theo sự chỉ đạo của huyện L. Còn số tiền của hợp đồng ký ngày 31/12/2009 đã chuyển vào tài khoản của tổ hợp tác xã C1 để điều tiết trả tiền máy, X dựng kênh mương chung của các thôn theo sự chỉ đạo của cấp trên. Việc ông C yêu cầu này đã được các cơ quan pháp luật phối hợp cùng xã C1 tiến hành giải quyết nhiều lần. Nay ông đề nghị Tòa án xác minh làm rõ về sự việc trên để giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

Do công việc bận, ông xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Ông Nguyễn Ngọc B trình bày trong bản tự khai: Ông nhận chức trưởng thôn M từ tháng 06/2014 đến tháng 11/2015, khi ông làm trưởng thôn thì trưởng thôn cũ là ông Đ1 có bàn giao cho ông số nợ 3.383.000đ nợ ông C về tiền đặt cọc để hợp đồng đấu thầu trạm bơm của thôn M năm 2006. Theo hai hợp đồng giữa thôn M ký với ông C ngày 01/01/2009 và ngày 31/12/2009 để phục vụ nước sản xuất cho thôn M, xã C1, thực tế là thôn M nhờ ông C ký hợp đồng để gửi lên phòng Tài chính huyện L để nhận tiền hỗ trợ thủy lợi phí của nhà nước hỗ trợ cho nhân dân trong thôn M theo hướng dẫn của phòng tài chính huyện. Số tiền này đã được trực tiếp trả cho nhân dân. Việc lập hợp đồng này là do hướng dẫn của phòng Tài chính huyện là phải có hợp đồng thì phòng Tài chính huyện mới cấp tiền cho thôn để trả dân. Nay ông C yêu cầu thôn M phải thanh toán trả ông số tiền của 2 hợp đồng là 144.707.200đ và 40.000.000đ tiền thiệt hại của 2 hợp đồng về việc thầu trạm bơm của thôn M là không đúng. Ông đề nghị Tòa án xác minh làm rõ để giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Do công việc bận, ông xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông làm cán bộ giao thông thủy lợi của xã C1 từ năm 2006 đến nay. Sau khi nhận được hướng dẫn của phòng Tài chính huyện L về việc hoàn thiện thủ tục hồ sơ gồm hợp đồng tưới tiêu nước cho nhân dân trong thôn, biên bản thanh lý hợp đồng và danh sách đề nghị nhà nước hỗ trợ thủy lợi phí cho nhân dân ở các thôn trong xã C1 gồm có thôn M. Ông đã hướng dẫn ông X là trưởng thôn thời gian năm 2009 ký 02 hợp đồng như vậy, nên ông X đã làm hợp đồng thầu bơm, tưới nước cho thôn nhờ ông C ký vào hai

hợp đồng. Sau khi đã hoàn thiện thủ tục như vậy ông X đã gửi lên phòng Tài chính huyện L để phòng Tài chính huyện cấp tiền chuyển về xã C1. Ông đã cùng với ông X nhận số tiền của hợp đồng ký ngày 01/01/2009 là 72.347.200đ và trực tiếp giao cho các hộ trong thôn M, còn số tiền của hợp đồng ký ngày 31/12/2009 được chuyển vào tổ hợp tác xã của xã C1 để điều tiết trả tiền máy bơm, X kênh mương. Do vậy nay ông C yêu cầu thôn M phải thanh toán trả số tiền của hai hợp đồng là 144.707.200đ và 40.000.000đ tiền thiệt hại của hai hợp đồng là không đúng sự thật. Nay ông đề nghị Tòa án xác minh làm rõ giải quyết vụ án trên theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay ông vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

UBND xã C1 do ông Thái Văn Đ chủ tịch đại diện trình bày: Năm 2009 ông giữ chức phó chủ tịch UBND xã C1. Ông có biết được sự chỉ đạo của cấp trên là UBND huyện L về việc nhà nước có chính sách hỗ trợ một phần kinh phí thủy lợi cho các hộ sản xuất nông nghiệp nhưng sang năm 2010 nhà nước mới có quyết định cấp kinh phí hỗ trợ cho các xã cụ thể có xã C1. UBND huyện L đã giao cho phòng Tài chính huyện L hướng dẫn các xã hoàn thiện hồ sơ để hợp lý hóa số tiền hỗ trợ cho nhân dân. Thôn M trực tiếp do ông X làm trưởng thôn đã nhờ ông C ký hai hợp đồng ngày 01/01/2009 và 31/12/2009 để hợp lý hóa số tiền nhà nước cấp cho dân trong thôn M, tổng số tiền hai hợp đồng là 144.707.200đ. Đến tháng 11/2010 phòng Tài chính huyện L đã cấp số tiền 72.347.200đ của hợp đồng ký ngày 01/01/2009 cho thôn M do trực tiếp cán bộ giao thông thủy lợi xã C1 (ông T) và trưởng thôn M (ông X) trực tiếp nhận số tiền trên về trả cho dân trong thôn M theo danh sách, còn số tiền của hợp đồng ký ngày 31/12/2009 được chuyển về cho tổ hợp tác xã C1 để điều tiết trả tiền máy, X kênh mương trong xã. Nay ông C yêu cầu thôn M phải có trách nhiệm trả ông C tổng số tiền thủy lợi phí là 144.707.200đ và 40.000.000đ tiền thiệt hại, ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông C.

Do công việc bận ông xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá tình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; và đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 518; Điều 524; khoản 2 Điều 305 BLDS năm 2005; khoản 3 Điều 26; Điều 147; khoản 2 Điều 228; Điều 271; 273 BLTTDS; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Bác yêu cầu 144.707.200đ tiền của 02 hợp đồng thầu trạm bơm ký ngày 01/01/2009 và ngày 31/12/2009, 40.000.000đ tiền bị thiệt hại của 02 hợp đồng của ông Nguyễn Văn C đối với thôn M, xã C1, huyện L.

Buộc thôn M, xã C1, huyện L do ông Nguyễn Văn G đại diện có trách nhiệm thanh toán trả ông Nguyễn Văn C 3.383.000đ tiền đặt cọc của hợp đồng giao thầu trạm bơm R, thôn M ký ngày 10/10/2006.

- *Án phí:* Ông Nguyễn Văn C phải chịu 9.235.300đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Thôn M do ông Nguyễn Văn G trưởng thôn đại diện phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của kiểm sát viên, HĐXX nhận thấy:

[1] *Về tố tụng:* Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn C có đơn tố cáo ông Nguyễn Văn X- Trưởng thôn, ông Nguyễn Văn T- Cán bộ thủy lợi xã C1, ông Nguyễn Như Thọ- Kế toán hợp tác xã và ông Thái Văn Đ- Chủ tịch xã C1 có hành vi phạm tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ và đề nghị Tòa án tạm đình chỉ vụ án để chuyển hồ sơ cho CA huyện L xem xét. Ngày 14/11/2013, Tòa án đã chuyển hồ sơ sang CA huyện L để xem xét theo đơn của ông C. Ngày 14/01/2014, CA huyện L đã có công văn số 53 về việc chuyển tài liệu hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện L và trả lời: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã xác minh, làm rõ theo công văn số 189 cùng hồ sơ vụ án dân sự số 25/2013 do TAND huyện L chuyển đến. Xét thấy hành vi của ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Như Thọ, ông Thái Văn Đ, ông Nguyễn Văn X không phạm tội: "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" và vụ việc không có dấu hiệu của tội phạm hình sự. Ngày 13/09/2018, TAND huyện L đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa xét xử vụ án vào hồi 7 giờ ngày 02/10/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đ, ông B, ông Đ1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

Ngày 10/6/2006 thôn M do ông Nguyễn Văn Lờ có ký biên bản hợp đồng giao thầu trạm bơm R, thôn M, C1 cho ông Nguyễn Văn C ở thôn M, xã C1, huyện L. Về nội dung giao thầu, giao cho ông C toàn quyền vận hành sử dụng hai trạm bơm R để phục vụ sản xuất, điều tiết nước cho hai vụ của thôn M, thời hạn là 5 năm, từ tháng 10/2006 đến tháng 10/2011. Ông C trực tiếp thu tiền của các hộ dân theo thỏa thuận giữa thôn với ông C cùng với các hộ dân trong thôn M. Đến tháng 5/2011 ông C có đơn đề nghị thôn tăng giá điện cho ông C nhưng thôn M không nhất trí nên ông C đã không thực hiện tiếp hợp đồng. Ngày 10/10/2011 thôn M đã có biên bản hủy hợp đồng với ông C và bàn giao trạm bơm cho người khác vận hành quản lý. Đến năm 2010 nhà nước có chính sách hỗ trợ thủy lợi phí cho các hộ dân, trong Đ1 có các thôn thuộc xã C1 huyện L. Phòng Tài chính huyện L đã hướng dẫn cho các thôn trong xã C1 hoàn thiện hồ sơ để hợp thức hóa tiền hỗ trợ cho nhân dân, nên thôn M do ông X làm trưởng thôn đã lập hai hợp đồng tưới nước cho thôn nhờ ông Nguyễn Văn C ký, hợp đồng thứ nhất ký ngày 01/01/2009, hợp đồng thứ hai ký ngày 31/12/2009. Theo hai hợp đồng này thì thôn phải thanh toán cho ông C số tiền là 144.707.200đ. Đến năm 2013 ông C đã căn cứ vào hai hợp đồng này yêu cầu thôn M phải trả

ông tổng số tiền là 144.707.200đ và 40.000.000đ tiền thiệt hại của hai hợp đồng. Ngoài 2 số tiền này thì ông C yêu cầu thôn M phải trả ông số tiền 3.383.000đ tiền đặt cọc của hợp đồng thầu hai trạm bơm năm 2006 thôn còn nợ. Tổng số các khoản tiền là 188.090.200đ. Phía thôn M do ông Nguyễn Văn G đại diện không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông C mà chỉ chấp nhận thanh toán trả ông C số tiền đặt cọc mà thôn còn nợ là 3.383.000đ. Còn hai khoản tiền tổng là 184.707.200đ là không có nên không chấp nhận thanh toán.

HĐXX nhận thấy: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở ý kiến của UBND xã C1, ông X nguyên trưởng thôn M từ năm 2007 đến năm 2011, ông Đ1 nguyên trưởng thôn M từ năm 2011 đến năm 2013, ông B nguyên trưởng thôn M từ tháng 06/2014 đến tháng 11/2015, ông G trưởng thôn từ năm 2016 đến nay, ông T cán bộ giao thông thủy lợi xã C1 từ năm 2006 đến nay đều cho biết: Thôn M, C1, L còn nợ ông C số tiền 3.383.000đ tiền ông C đặt cọc của hợp đồng giao thầu trạm bơm R, thôn M ngày 10/10/2006. Còn đối với số tiền ông C yêu cầu thôn M phải thanh toán trả tổng số tiền là 144.707.200đ của hai hợp đồng thầu trạm bơm R, M giữa thôn M với ông C được ký ngày 01/01/2009 và ngày 31/12/2009 và số tiền thiệt hại của 2 hợp đồng là 40.000.000đ là không có căn cứ bởi vì năm 2010 nhà nước có chính sách hỗ trợ tiền thủy lợi phí cho các hộ dân của thôn M, xã C1, L. Phòng Tài chính huyện L đã hướng dẫn cho thôn M phải có hợp đồng tưới tiêu nước của thôn, biên bản thanh lý hợp đồng và danh sách các hộ dân để nhà nước hỗ trợ tiền thủy lợi phí. Ngày 01/01/2009 và ngày 31/12/2009 ông Nguyễn Văn X đại diện cho thôn M đã nhờ ông C ký hai hợp đồng trên. Đến tháng 11/2010 phòng Tài chính huyện L đã chuyển toàn bộ số tiền theo hai hợp đồng trên của thôn M về cho UBND xã C1, ông X và ông T là cán bộ giao thông thủy lợi xã C1 đã nhận số tiền của hợp đồng ký ngày 01/01/2009 trả trực tiếp cho các hộ dân trong thôn M, việc trả tiền có danh sách kèm theo, còn số tiền của hợp đồng ký ngày 31/12/2009 là 72.360.000đ, theo sự chỉ đạo của UBND huyện L, số tiền này không trả cho các hộ dân mà chuyển trực tiếp vào tài khoản của tổ hợp tác xã C1 để điều tiết trả tiền máy, X kênh mương của các thôn trong xã C1. Do vậy bác yêu cầu số tiền 144.707.200đ của hai hợp đồng thầu trạm bơm R, M giữa thôn M với ông C được ký ngày 01/01/2009 và ngày 31/12/2009 và số tiền thiệt hại của 2 hợp đồng là 40.000.000đ của ông C đối với thôn M, xã C1, huyện L và xác nhận thôn M chỉ còn nợ ông C số tiền đặt cọc của hợp đồng tưới tiêu nước ký năm 2006 là 3.383.000đ, buộc thôn M do ông Nguyễn Văn G đại diện phải có trách nhiệm thanh toán trả ông C số tiền này.

[3] Do ông C không yêu cầu thôn M trả tiền lãi suất của số tiền 3.383.000đ, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí:* Ông Nguyễn Văn C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm của số tiền 184.707.200đ x 5% = 9.235.300đ (do yêu cầu của ông C không được chấp nhận). Thôn M do ông Nguyễn Văn G đại diện phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Áp dụng các Điều 518; Điều 524; khoản 2 Điều 305 BLDS năm 2005; khoản 3 Điều 26; Điều 147; khoản 2 Điều 228; Điều 271; 273 BLTTDS; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

2/ Bác yêu cầu 144.707.200đ tiền của 02 hợp đồng thầu trạm bơm ký ngày 01/01/2009 và ngày 31/12/2009, 40.000.000đ tiền bị thiệt hại của 02 hợp đồng của ông Nguyễn Văn C đối với thôn M, xã C1, huyện L.

- Buộc thôn M, xã C1, huyện L, tỉnh Bắc Giang có trách nhiệm thanh toán trả ông Nguyễn Văn C 3.383.000đ tiền đặt cọc của hợp đồng giao thầu trạm bơm R, thôn M ký ngày 10/10/2006.

3/ Án phí: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 9.235.300đ tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 4.700.000đ ông C đã nộp tiền tạm ứng án phí tại chi cục thi hành án dân sự huyện L theo biên lai thu số AA/2010/008387 ngày 26/4/2013. Ông C còn phải nộp số tiền 4.535.300đ.

Thôn M, xã C1, huyện L, tỉnh Bắc Giang phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được THA có đơn đề nghị THA cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành cũng phải chịu khoản tiền lãi của số tiền cũng phải thi hành theo mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật THA dân sự thì người được THA dân sự, người phải THADS có quyền thỏa thuân THA yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo quy định tại các điều 6,7,7ª,7b và điều 9 Luật THA dân sự thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THA dân sự.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án .

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện L;
- Chi cục T.H.A huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Toan

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện, tỉnh;*
- *Chi cục T.H.A huyện L;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Hoàng Văn Toan

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà
Hoàng Văn Toan